

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26/2025/DS-ST**

Ngày: 27 – 03 - 2025.

*“V/v tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2024/TLST- DS, ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-DS, ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ T. Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền số: 84/QĐ-PGD ngày 27/05/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch huyện U Minh Thượng – Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt).

Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1995 (Con ông S - Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh T, xã Minh T1, huyện U Minh T3, tỉnh Kiên G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 05 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Ngày 10/11/2020 anh Nguyễn Văn Đ (Gọi tắt là anh Đ) có vay Ngân hàng chính Chính sách xã hội - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện U Minh Thượng (Viết tắt là Ngân hàng), theo Hợp đồng tín dụng số 03/HĐ-TD để vay số tiền 90.390.000đ. Cho vay theo diện tín chấp. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 10/11/2020 đến ngày 10/11/2023. Mục đích anh Đ xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Ông Nguyễn Văn S (Cha anh Đ - Gọi tắt ông S) và anh Đ cam kết trước sự chứng kiến của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thương mại hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam sẽ dùng thu nhập từ lương và các nguồn thu nhập hợp pháp của gia đình là 20.000.000đ/tháng để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Trong thời gian vay anh Đ có trả gốc theo định kỳ đến ngày 24/01/2025 được số tiền 75.392.955 đồng. Trong đó, gốc 60.729.960 đồng và lãi 14.662.995 đồng. Tính đến ngày 27/3/2025 anh Đ còn nợ Ngân hàng số tiền 30.830.313 đồng. Trong đó, nợ gốc 29.660.040đ và nợ lãi 1.170.273 đồng.

Đại diện Ngân hàng yêu cầu ông S, anh Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền là 30.830.313 đồng và tiền lãi suất theo hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/02/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn S (Cha anh Đ) trình bày: Ông S thừa nhận con ông tên Nguyễn Văn Đ có vay Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 03/HĐ-TD ngày 10/11/2020, số tiền 90.390.000đ để xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn anh Đ chưa trả hết nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, còn nợ lại gốc 29.660.040đ. Ngày 26/12/2024 anh Đ có chuyển khoản trả cho Ngân hàng được số tiền 3.150.000đ. Ông S đồng ý trả cho Ngân hàng nợ gốc là 29.660.040đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà anh Đ ký kết với Ngân hàng. Ông S liên đới cùng với anh Đ trả cho Ngân hàng số tiền 29.660.040đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến thanh toán dứt nợ được phía nguyên đơn đồng ý, nhưng hiện ông S đang khó khăn về kinh tế nên ông xin trả tiền cho Ngân hàng với hình thức như sau:

+ Ngày 20/8/2025 ông S, anh Đ trả cho Ngân hàng nợ gốc là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

+ Ngày 20/02/2026 ông S, anh Đ trả Ngân hàng số tiền gốc là 14.660.040đ (Mười lăm triệu đồng).

+ Về phần lãi suất ông S, anh Đ sẽ thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng đến khi tất toán xong tiền lãi. Bắt đầu thanh toán ngày 18/3/2025. Thanh toán vào ngày 18 dương tịch.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ (Con ông S) được Tòa án tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, theo Hợp đồng tín dụng số: 03/HĐ-TD ngày 10/11/2020 thể hiện anh Đ có vay Ngân hàng số tiền 90.390.000đ, để anh xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Được sự chứng kiến của Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Thương mại hợp tác nhân lực Quốc tế Việt Nam sẽ dùng thu nhập từ lương và các nguồn thu nhập hợp pháp của gia đình là 20.000.000đ/tháng để trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Ngày 10/11/2020 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Đ số tiền 90.390.000 đồng. Từ khi vay anh Đ có thực hiện theo Hợp đồng, anh có trả gốc và lãi cho Ngân hàng theo định kỳ thời gian từ ngày 07/05/2021 đến ngày 24/01/2025, được số tiền 75.392.955 đồng. Trong đó, gốc 60.729.960 đồng và lãi 14.662.995 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng bà T yêu cầu ông S, anh Đ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 27/3/2025 là 30.830.313 đồng. Trong đó, nợ gốc 29.660.040đ và nợ lãi 1.170.273 đồng. Bà T đồng ý để ông S, cùng liên đới với anh Đ trả cho Ngân hàng số nợ nêu trên, bà yêu cầu ông S, anh Đ trả lần dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Đ không có yêu cầu phản tố, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn ông S, anh Đ.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội với bị đơn ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Đ là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể Ngân hàng yêu cầu ông S, anh Đ trả tiền vay còn thiếu là 29.660.040đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

[3]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng đòi bị đơn ông S, anh Đ trả tiền vay còn thiếu là 29.660.040đ đồng, HĐXX nhận thấy: Ngày 10/11/2020 anh Đ có vay Ngân hàng và ký Hợp đồng tín dụng số 03/HĐ-TD số tiền 90.390.000đ, để anh Đ xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cùng ngày 10/11/2020 Ngân hàng đã giải ngân cho anh Đ số tiền 90.390.000 đồng. Sau đó, anh Đ có thực hiện theo Hợp đồng và có thanh toán cho Ngân hàng theo định kỳ từ ngày 07/05/2021 đến ngày 24/01/2025, được số tiền 75.392.955 đồng. Trong đó, gốc 60.729.960 đồng và lãi 14.662.995 đồng. Việc anh Đ có trả nợ gốc và lãi, với số tiền 75.392.955 đồng, được đại diện nguyên đơn bà T thừa nhận là đúng. Anh Đ còn nợ Ngân hàng gốc 29.660.040đ, cho thấy anh Đ có vay Ngân hàng và Ngân hàng yêu cầu anh Đ trả nợ gốc 29.660.040 đồng là có căn cứ.

Tại phiên hòa giải ngày 20/02/2025 ông S thừa nhận anh Đ có vay Ngân hàng, anh Đ còn nợ Ngân hàng gốc là 29.660.040đ. Ông S đồng ý liên đới với anh Đ trả cho Ngân hàng nợ gốc là 29.660.040đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà anh Đ ký kết từ ngày 10/11/2023 đến khi thanh toán dứt nợ. Việc này được phía đại diện nguyên đơn đồng ý cho ông S, cùng với anh Đ trả cho Ngân hàng số nợ nêu trên. Xét, việc tự thỏa thuận của ông S và đại diện ngân hàng là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX ghi nhận. Do đó, cần buộc ông S, anh Đ liên đới có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng với số tiền nêu trên là phù hợp pháp luật.

Lẽ ra, trong vụ án này phía Ngân hàng không có quyền khởi kiện đối với ông S bởi: Ông S không có vay tiền Ngân hàng và cũng không có ký Hợp đồng tín dụng với phía Ngân hàng, người trực tiếp vay và người được giải ngân là anh Đ, không phải ông S nhưng ông S tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới với anh Đ, cùng với anh Đ trả nợ cho Ngân hàng. Đây là sự tự nguyện của ông S và được đại diện Ngân hàng đồng ý nên HĐXX ghi nhận.

Xét việc bị đơn ông S, cùng với anh Đ trả tiền cho Ngân hàng với hình thức: Ngày 20/8/2025 ông S, anh Đ trả cho Ngân hàng nợ gốc là 15.000.000đ; Ngày 20/02/2026 ông S, anh Đ trả Ngân hàng nợ gốc là 14.660.040đ và phần tiền lãi suất ông S, anh Đ sẽ thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng đến khi tất toán xong tiền lãi. Bắt đầu thanh toán ngày 18/3/2025, nhưng đại diện nguyên đơn không đồng ý, mà yêu cầu ông S, anh Đ trả lần dứt nợ gốc và lãi, HĐXX nhận thấy:

Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc ông S xin trả nợ cho Ngân hàng với hình thức nêu trên là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Từ những cơ sở nêu trên thấy rằng anh Đ là bên đi vay và còn nợ Ngân hàng gốc là 29.660.040 đồng là có thật, nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự. Mặt khác, ông S tự nguyện chịu trách nhiệm liên đới cùng với anh Đ trả nợ cho Ngân hàng với nợ gốc là 29.660.040 đồng, lãi tính đến ngày 27/3/2025 là 1.170.273 đồng, tổng cộng 30.830.313 đồng. Do đó, HĐXX cần buộc ông S, anh Đ liên đới trả cho Ngân hàng số tiền 30.830.313 đồng.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên ông S, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 30.830.313 đồng x 5% = 1.541.000 đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Đ về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Buộc ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Đ liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.830.313 đồng (*Ba mươi triệu, tám trăm ba mươi nghìn, ba trăm mười ba đồng*).

Ngoài ra, ông S, anh Đ còn phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà anh Đ đã ký số: 03/HĐ-TD ngày

10/11/2020. Lãi suất tính từ ngày 28/03/2025 đến khi tất toán xong nợ.

Các bên trực tiếp giao nhận tiền tại Ngân hàng chính sách xã hội – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Văn Đ phải chịu số tiền 1.541.000đồng (Một triệu, năm trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Ngân hàng chính sách xã hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát ND H. UMT;
- Chi cục Thi hành án DS. H UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký, đóng dấu)

Danh Hoàng